

Họ và tên học sinh:..... Lớp: .....

Mã đề: 123

Hãy chọn đáp án đúng nhất cho các câu hỏi dưới đây

**Câu 1:** Việc đảm bảo an ninh lương thực ở nước ta có ý nghĩa quan trọng hàng đầu vì

- A. là cơ sở để đa dạng hoá sản xuất nông nghiệp.
- B. nhằm đảm bảo lương thực cho dân số đông.
- C. góp phần thúc đẩy ngành công nghiệp chế biến.
- D. tạo nguồn hàng xuất khẩu thu ngoại tệ quan trọng.

**Câu 2:** Mặt tích cực của đặc điểm dân số tăng nhanh ở nước ta là

- A. nguồn lao động được bổ sung thường xuyên.
- B. người lao động có kinh nghiệm trong lĩnh vực nông nghiệp.
- C. lao động có khả năng sáng tạo và tiếp thu nhanh các tiến bộ KH-KT.
- D. nguồn lao động dồi dào, có trình độ.

**Câu 3:** Vùng kinh tế có mật độ tập trung công nghiệp cao nhất nước ta là

- A. Đồng Bằng sông Cửa Long.
- B. Đồng bằng ven biển.
- C. Đồng Bằng sông Hồng và vùng phụ cận.
- D. Đông Nam Bộ.

**Câu 4:** Vùng kinh tế có năng suất lúa cao nhất nước ta là

- A. Đồng bằng sông Hồng.
- B. Đồng bằng sông Cửa Long.
- C. Bắc trung bộ.
- D. Duyên hải Nam trung bộ.

**Câu 5:** Cơ sở nhiên liệu chủ yếu của các nhà máy nhiệt điện ở nước ta là

- A. thác nước.
- B. quặng sắt.
- C. khí đốt.
- D. bô xít.

**Câu 6:** Tỷ lệ gia tăng dân số tự nhiên nước ta tuy có giảm nhưng tổng dân số vẫn tăng nhanh là vì

- A. có cơ cấu dân số trẻ.
- B. ngày càng hội nhập quốc tế nên thu hút người dân đến sinh sống.
- C. nước ta có quy mô dân số lớn.
- D. tỉ lệ gia tăng dân số vẫn cao hơn trung bình của thế giới.

**Câu 7:** Than Antraxit của nước ta tập trung nhiều nhất ở

- A. Đồng bằng sông Hồng.
- B. Đồng bằng sông Cửa Long.
- C. đồng bằng ven biển.
- D. Cẩm Phả (Quảng Ninh).

**Câu 8:** Để tăng sản lượng lương thực ở nước ta, biện pháp quan trọng nhất là

- A. đẩy mạnh thâm canh, tăng năng suất.
- B. mở rộng diện tích đất trồng cây lương thực.
- C. đẩy mạnh khai hoang, phục hóa ở miền núi.
- D. kêu gọi đầu tư nước ngoài vào sản xuất nông nghiệp.

**Câu 9:** Sự phân bố dân cư chưa hợp lí ở nước ta làm ảnh hưởng rất lớn đến việc sử dụng lao động và

- A. Cải thiện cuộc sống.
- B. bảo vệ môi trường.
- C. khai thác tài nguyên.
- D. quá trình đô thị hóa.

**Câu 10:** Cơ cấu ngành công nghiệp nước ta đang chuyển dịch rõ nét nhằm

- A. thích nghi với cơ chế thị trường, hội nhập khu vực, thế giới.
- B. nâng cao hiệu quả kinh tế, nâng cao chất lượng sản phẩm.
- C. phát huy tiềm năng và thế mạnh của các thành phần kinh tế.
- D. thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo thêm việc làm.

**Câu 11:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang nội dung “Dân số”, hãy cho biết đô thị nào sau đây của vùng kinh tế Đồng bằng sông Hồng có quy mô dân số trên một triệu người?

- A. Bắc Ninh.
- B. Hà Nội.
- C. Thái Bình.
- D. Hưng Yên.

**Câu 12:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang nội dung “Dân số”, hãy cho biết trong các đô thị được liệt kê dưới đây của vùng kinh tế Tây Nguyên, đô thị nào có quy mô dân số nhỏ nhất?

- A. Buôn Ma Thuột.
- B. Đà Lạt.
- C. Gia Nghĩa.
- D. Bảo Lộc.

**Câu 13:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang nội dung “Dân số”, hãy cho biết nhận định nào sau đây đúng?

- A. Tỷ lệ dân thành thị luôn cao hơn nông thôn.
- B. Tỷ lệ lao động trong khu vực nông, lâm, ngư có xu hướng tăng.
- C. Tỷ lệ lao động trong khu vực dịch vụ có xu hướng giảm.
- D. Số dân nông thôn luôn nhiều hơn thành thị.

**Câu 14:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang nội dung “Kinh tế chung”, hãy cho biết tỉnh nào sau đây **không** thuộc vùng kinh tế Bắc Trung Bộ?

- A. Hòa Bình.
- B. Quảng Trị.
- C. Quảng Bình.
- D. Thanh Hóa.

**Câu 15:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang nội dung “Kinh tế chung”, hãy cho biết khu kinh tế cửa khẩu nào sau đây thuộc vùng kinh tế Tây Nguyên?

- A. Cầu Treo.
- B. Bờ Y.
- C. Mộc Bài.
- D. Tây Trang.

**Câu 16:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang nội dung “Kinh tế chung”, hãy cho biết trong các trung tâm kinh tế được liệt kê dưới đây, trung tâm nào có qui mô lớn nhất?

- A. Thủ Dầu Một.
- B. Biên Hòa.
- C. TP. Hồ Chí Minh.
- D. Vũng Tàu.

**Câu 17:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang nội dung “Nông nghiệp chung”, hãy cho biết vùng nông nghiệp nào sau đây có diện tích đất mặt nước nuôi trồng thủy sản lớn nhất?

- A. Đồng bằng sông Cửu Long.
- B. Đông Nam Bộ.
- C. Duyên hải Nam Trung Bộ.
- D. Đồng bằng sông Hồng.

**Câu 18:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang nội dung “Nông nghiệp chung” và “Nông nghiệp”, hãy cho biết tỉnh nào sau đây của vùng nông nghiệp Đông Nam Bộ có diện tích trồng cây công nghiệp lâu năm nhiều nhất?

- A. Bà Rịa – Vũng Tàu.
- B. Bình Dương.
- C. Bình Phước.
- D. Tây Ninh.

**Câu 19:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang nội dung “Thủy sản và lâm nghiệp”, hãy cho biết tỉnh nào sau đây của vùng kinh tế Đồng bằng Sông Cửu Long có sản lượng thủy sản khai thác nhiều nhất?

- A. Bến Tre.
- B. Bạc Liêu.
- C. Cà Mau.
- D. Kiên Giang.

**Câu 20:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang nội dung “Thủy sản và lâm nghiệp”, hãy cho biết tỉnh nào sau đây có diện tích rừng so với diện tích toàn tỉnh trên 60%?

- A. Thanh Hóa.
- B. Quảng Bình.
- C. Quảng Trị.
- D. Hà Tĩnh.

**Câu 21:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang nội dung “Công nghiệp chung”, hãy cho biết trung tâm công nghiệp Đà Nẵng có thể hiện ngành công nghiệp nào sau đây?

- A. Đóng tàu.
- B. Luyện kim màu.
- C. Sản xuất vật liệu xây dựng.
- D. Luyện kim đen.

**Câu 22:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang nội dung “Các ngành công nghiệp trọng điểm”, hãy cho biết Nha Trang **không** thể hiện ngành nào sau đây trong công nghiệp chế biến lương thực – thực phẩm?

- A. Đường sữa, bánh kẹo.
- B. Rượu, bia, nước giải khát.
- C. Thủy hải sản.
- D. Sản phẩm chăn nuôi.

**Câu 23:** Đến năm 2022, tỉnh Lâm Đồng có 1 309,79 nghìn người, cho biết mật độ dân số trung bình của tỉnh biết diện tích toàn tỉnh là 9 773 Km<sup>2</sup>?

- A. 0,134 người/km<sup>2</sup>.
- B. 134 người/km<sup>2</sup>.
- C. 7,5 người/km<sup>2</sup>.
- D. 7 460 người/km<sup>2</sup>.

**Câu 24:** Trong những năm qua, sản lượng lương thực của nước ta tăng lên chủ yếu là do

- A. tăng diện tích canh tác.
- B. tăng năng suất cây trồng.
- C. đẩy mạnh khai hoang phục hóa.
- D. giảm nhanh tỉ lệ gia tăng dân số.

**Câu 25:** Nhận định nào sau đây **không** chính xác về đặc điểm phân bố dân cư nước ta

- A. Dân cư tập trung chủ yếu ở nông thôn
- B. Mật độ dân số ở nông thôn thấp hơn thành thị
- C. Đồng bằng tập trung khoảng 75% dân số cả nước
- D. Đồng bằng sông Cửu Long có mật độ dân số cao nhất

**Câu 26:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng về ngành công nghiệp điện lực nước ta hiện nay?

- A. Mang lại hiệu quả kinh tế cao, các vùng đều có nhà máy thủy điện.
- B. Mang lại hiệu quả kinh tế cao, điện gió đang được đầu tư phát triển.
- C. Có thể mạnh phát triển lâu dài, Tây Nguyên có bậc thang thủy điện.
- D. Có thể mạnh phát triển lâu dài, điện khí phân bố tập trung ở Nam Bộ.

**Câu 27:** Cây chè ở nước ta được trồng chủ yếu ở vùng kinh tế

A. Bắc Trung Bộ.

B. Trung du miền núi Bắc Bộ.

C. Tây Nguyên.

D. Đông Nam Bộ.

**Câu 28:** Nguyên nhân chủ yếu làm cho tỉ lệ dân thành thị nước ta ngày càng tăng là

A. chính sách phân bố lại dân cư giữa các vùng.

B. chất lượng cuộc sống ở thành thị tốt hơn.

C. quá trình công nghiệp hóa.

D. dân nông thôn ra thành thị tìm việc làm.

**Câu 29:** Phát biểu nào sau đây đúng về ngành công nghiệp điện lực nước ta hiện nay?

A. Thủy điện chiếm tỉ trọng cao nhất trong sản xuất điện.

B. Các vùng đều đã xây dựng và có nhà máy thủy điện.

C. Sản lượng điện đã đủ đáp ứng cho nhu cầu sản xuất và đời sống.

D. Nhiệt điện ở miền Bắc chạy bằng than, miền Nam chạy bằng khí.

**Câu 30:** Giải pháp chủ yếu để nâng cao hiệu quả sản xuất cây công nghiệp lâu năm ở nước ta là

A. phát triển vùng chuyên canh với công nghệ chế biến.

B. thay đổi cơ cấu mùa vụ để hạn chế ảnh hưởng thiên tai.

C. đa dạng hóa các nông sản gắn với thị trường xuất khẩu.

D. mở rộng thị trường và phát triển công nghệ chế biến.

**Câu 31:** Cây nào sau đây ở nước ta thuộc nhóm cây công nghiệp hàng năm?

A. Dừa.

B. Hồ tiêu.

C. Mía.

D. Cà phê.

**Câu 32:** Biện pháp chủ yếu để tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm công nghiệp nước ta là

A. đầu tư theo chiều sâu, đổi mới công nghệ.

B. đảm bảo nguyên liệu, chú trọng xuất khẩu.

C. thu hút nhiều thành phần kinh tế tham gia.

D. xây dựng cơ cấu ngành tương đối linh hoạt.

**Câu 33:** Ý nào sau đây là đặc điểm của quá trình đô thị hóa ở nước ta?

A. Tỉ lệ dân thành thị giảm.

B. Quá trình đô thị hóa diễn ra chậm.

C. Trình độ đô thị hóa cao.

D. Phân bố đô thị khá đồng đều giữa các vùng.

**Câu 34:** Biện pháp nào sau đây là chủ yếu để đẩy mạnh hoạt động khai thác thủy sản khơi xa ở nước ta?

A. Đầu tư phát triển dịch vụ nghề cá.

B. Hiện đại hóa phương tiện đánh bắt.

C. Đầu tư nâng cấp hệ thống cảng cá.

D. Nâng cao trình độ người lao động.

**Câu 35:** Ảnh hưởng nào sau đây **không** phải là ảnh hưởng tích cực của đô thị hóa đến phát triển kinh tế - xã hội ở nước ta?

A. An ninh trật tự xã hội không đảm bảo.

B. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

C. Thúc đẩy sự phát triển kinh tế.

D. Tạo nhiều việc làm.

**Câu 36:** Nhân tố có ý nghĩa hàng đầu, tạo tiền đề cho phát triển ngành chăn nuôi nước ta trong thời gian qua là

A. thú y phát triển đã ngăn chặn sự lây lan của dịch bệnh.

B. nhiều giống gia súc gia cầm có chất lượng cao được nhập nội.

C. nguồn thức ăn cho chăn nuôi ngày càng được bảo đảm tốt hơn.

D. nhu cầu thị trường trong và ngoài nước ngày càng tăng.

**Câu 37:** Nguyên nhân chính làm cho năng xuất lao động xã hội ở nước ta tuy có tăng nhưng vẫn còn thấp so với các nước trên thế giới là do

A. nước ta có quy mô dân số đông và vẫn còn tăng nhanh.

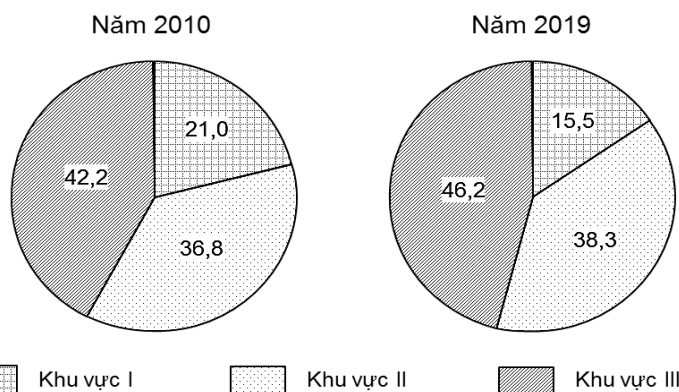
B. quỹ thời gian lao động trong nông nghiệp nông thôn chưa được sử dụng triệt để.

C. sự phân bố dân cư chưa hợp lí gây khó khăn trong sử dụng và khai thác tài nguyên.

D. cơ cấu dân số trẻ nên tốc độ gia tăng lao động nhanh hơn tốc độ tăng trưởng kinh tế.

**Câu 38:** Cho biểu đồ:

CƠ CẤU GDP VIỆT NAM NĂM 2010 và 2019



Căn cứ vào biểu đồ, cho biết nhận xét nào sau đây đúng?

- A. Tỷ trọng khu vực I có xu hướng tăng.
- B. Khu vực II có tỷ trọng cao nhất.
- C. Tỷ trọng khu vực III có xu hướng giảm.
- D. Khu vực III luôn có tỷ trọng cao nhất.

**Câu 39:** Cho bảng số liệu: DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG LƯƠNG THỰC CÓ HẠT CỦA VIỆT NAM

Năm	1995	2022
Diện tích (nghìn ha)	7 324,3	7 997,0
Sản lượng (nghìn tấn)	26 142,5	47 085,3

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết trong giai đoạn 1995 – 2022 năng suất canh tác cây lương thực có hạt của Việt Nam đã tăng khoảng bao nhiêu?

- A. 3,6 tấn/1ha.
- B. 5,9 tấn/1ha.
- C. 2,3 tấn/1ha.
- D. 9,4 tấn/1ha.

**Câu 40:** Cho bảng số liệu: TỔNG SỐ DÂN, DÂN SỐ CHIA THEO THÀNH THỊ VÀ NÔNG THÔN CỦA TỈNH LÂM ĐỒNG GIAI ĐOẠN 2005 – 2020 (Đơn vị: Nghìn người)

Năm	2005	2010	2015	2020	2022
Tổng số dân	1 123,1	1 203,5	1 261,4	1 309,8	1 332,6
Số dân thành thị	432,2	457,4	491,4	514,2	523,6
Số dân nông thôn	690,9	746,1	770,0	795,6	809,0

Để thể hiện cơ cấu dân số chia theo thành thị và nông thôn của tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2005 – 2020, biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Tròn.
- B. Miền.
- C. Cột.
- D. Đường.

**TRẮC NGHIỆM (10 điểm/ 40 câu)**

Câu	Mã đề 123	Mã đề 234	Mã đề 345	Mã đề 456
1	B	A	D	C
2	A	B	B	A
3	C	D	A	C
4	A	B	D	B
5	C	C	A	D
6	C	A	C	B
7	D	B	D	A
8	A	C	B	C
9	C	A	A	B
10	A	C	C	D
11	B	C	B	D
12	C	B	C	C
13	D	A	C	A
14	A	B	C	B
15	B	C	A	B
16	C	D	B	A
17	A	B	D	D
18	C	C	C	D
19	D	B	A	C
20	B	A	B	A
21	A	D	C	B
22	A	C	A	D
23	B	B	D	C
24	B	A	D	A
25	D	B	C	D
26	A	D	A	B
27	B	D	B	C
28	C	C	D	C
29	D	D	A	B
30	D	C	B	D
31	C	B	C	C
32	A	C	D	A
33	B	D	D	B
34	B	C	C	D
35	A	B	B	C
36	C	A	B	D
37	B	A	D	A
38	D	C	B	B
39	C	D	D	C
40	B	A	A	B

